

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 28-9-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp T T B, xã T H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Ông Võ Thành T, sinh năm 1956 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố L T, phường L H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1980, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, do ông T làm công an, thường xuyên ở lại đơn vị ở Tây Ninh nên một tuần mới về nhà bà một lần tại ấp T T B, xã T H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến năm 1987 thì ông T bỏ đi không về sống với mẹ con bà nữa, từ đó bà và ông T không còn liên lạc gì với nhau đến nay, giữa bà và gia đình ông T cũng không qua lại nên không ai hòa giải cho vợ chồng. Khoảng năm 2021 bà mới biết ông T hiện đang sống tại khu phố L T, phường L H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Thu L, sinh ngày 23-10-1981 và Võ Thị Thu L, sinh ngày 21-12-1986. Hai con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông T đến Tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng ông T không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của ông T.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B yêu cầu được ly hôn ông Võ Thành T.

Về con chung: 02 con chung tên Võ Thị Thu L, sinh ngày 23-10-1981 và Võ Thị Thu L, sinh ngày 21-12-1986 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Thành T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980, không có đăng ký kết hôn, nhưng căn cứ vào Nghị quyết số

35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội thi quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T vẫn được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp (hôn nhân thực tế). Vợ chồng chung sống đến năm 1987 thì ông T bỏ đi và vợ chồng ly thân đến nay. Vợ chồng ly thân trong một thời gian rất dài nhưng không liên lạc, đặt vấn đề đoàn tụ với nhau. Nay bà B yêu cầu ly hôn, Tòa án đã nhiều lần mời ông T đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T đều không đến, chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ với bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà B được ly hôn ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà B trình bày bà và ông T có 02 người con chung tên Võ Thị Thu L, sinh ngày 23-10-1981 và Võ Thị Thu L, sinh ngày 21-12-1986. Hai con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành T.

Bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Võ Thành T.

2. Về con chung: 02 con chung tên Võ Thị Thu L, sinh ngày 23-10-1981 và Võ Thị Thu L, sinh ngày 21-12-1986 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho bà B, ông T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Linh Ngọc**